

**ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ****BỘ NGOẠI GIAO**

**BỘ NGOẠI GIAO**  
Số: 28/2019/TB-LPQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2019

**THÔNG BÁO****Về hiệu lực của điều ước quốc tế**

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

*Hiệp định về chuyển giao người bị kết án giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Séc, ký tại Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2017, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 7 năm 2019.*

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**KT. VỤ TRƯỞNG**  
**VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ**  
**PHÓ VỤ TRƯỞNG**

**Lê Đức Hạnh**

**HIỆP ĐỊNH**  
**GIỮA**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**VÀ**  
**CỘNG HÒA SÉC**  
**VỀ CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TỬ**

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Séc, sau đây gọi là "các Bên".

Phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành của các Bên về thi hành án hình sự.

Mong muốn phát triển quan hệ hợp tác song phương trong lĩnh vực hình sự, và

Thúc đẩy việc chuyển giao người đang bị kết án phạt tử, nhằm tạo điều kiện để những người bị kết án chấp hành hình phạt tại quê hương và sẽ góp phần tái hòa nhập xã hội.

Đã thỏa thuận như sau:

**Điều 1**

**Định nghĩa**

Trong Hiệp định này:

- a) "Hình phạt" là bất kỳ sự trừng phạt hoặc biện pháp tước tự do có thời hạn hoặc không thời hạn do Tòa án tuyên đối với tội phạm.
- b) "Bản án" là quyết định áp dụng hình phạt của Tòa án.
- c) "Nước chuyển giao" là Bên mà hình phạt được thực hiện tại lãnh thổ của Bên đó đối với người có thể hoặc đã được chuyển giao.
- d) "Nước nhận" là Bên mà người bị kết án có thể hoặc đã được chuyển giao để thi hành bản án tại lãnh thổ của Bên đó.
- e) "Người bị kết án" là người bị giam giữ trong trại giam hoặc các cơ sở giam giữ khác theo bản án của tòa án của Nước chuyển giao vì phạm tội.

## **Điều 2**

### **Các nguyên tắc chung**

1. Các Bên cam kết sẽ dành cho nhau sự hợp tác toàn diện nhất trong lĩnh vực chuyển giao người bị kết án phạt tù theo quy định của Hiệp định này.
2. Người bị kết án có thể được chuyển giao từ lãnh thổ của một Bên đến lãnh thổ của Bên kia theo quy định của Hiệp định này, để chấp hành hình phạt đã tuyên đối với người đó.
3. Người bị kết án có thể được chuyển giao theo Hiệp định này sẽ được Nước chuyển giao thông báo về nội dung của Hiệp định trước khi người đó được chuyển giao để thi hành bản án.
4. Người bị kết án trong lãnh thổ của một Bên hoặc người đại diện hợp pháp của người bị kết án có thể bày tỏ nguyện vọng về việc chuyển giao theo Hiệp định này tới Nước chuyển giao hoặc Nước nhận.
5. Việc chuyển giao người bị kết án có thể được yêu cầu bởi Nước chuyển giao hoặc Nước nhận.
6. Người bị kết án sẽ được thông báo bằng văn bản về quyết định của Nước chuyển giao hoặc Nước nhận phù hợp với Hiệp định này.

## **Điều 3**

### **Các cơ quan trung ương**

1. Để thực hiện Hiệp định này, mỗi Bên sẽ chỉ định một Cơ quan trung ương.
2. Cơ quan trung ương của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Bộ Công an và Cơ quan trung ương của Cộng hòa Séc là Bộ Tư pháp.
3. Các Cơ quan trung ương liên hệ trực tiếp với nhau để thực hiện Hiệp định này. Việc trao đổi thông tin cũng có thể thực hiện qua đường ngoại giao.
4. Các Bên có thể thay đổi Cơ quan trung ương của mình, nhưng phải thông báo cho Bên kia về sự thay đổi đó qua đường ngoại giao.

**Điều 4****Yêu cầu và trả lời yêu cầu**

1. Yêu cầu chuyển giao và trả lời yêu cầu chuyển giao được thực hiện bằng văn bản.

2. Yêu cầu sẽ được trao đổi trực tiếp giữa các Cơ quan trung ương. Việc trao đổi yêu cầu cũng có thể thực hiện qua đường ngoại giao. Trả lời yêu cầu chuyển giao cũng được thực hiện qua các kênh tương tự.

3. Nước được yêu cầu sẽ kịp thời thông báo cho Nước yêu cầu về quyết định đồng ý hoặc không đồng ý với yêu cầu chuyển giao của mình. Trong trường hợp từ chối, Nước được yêu cầu phải nêu rõ lý do.

**Điều 5****Điều kiện chuyển giao**

1. Người bị kết án có thể được chuyển giao theo Hiệp định này nếu có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Là công dân của Nước nhận,
- b) Bản án đã có hiệu lực và có khả năng thi hành,
- c) Tại thời điểm nhận được yêu cầu chuyển giao, người bị kết án vẫn còn phải chấp hành hình phạt ít nhất một năm.
- d) Việc chuyển giao phải được sự đồng ý của người bị kết án hoặc đại diện hợp pháp của người đó nếu một trong các Bên thấy cần thiết khi xem xét các điều kiện về độ tuổi, tình trạng thể chất hoặc tinh thần của người bị kết án: cách thức thể hiện sự đồng ý sẽ áp dụng theo pháp luật của Nước chuyển giao.

e) Hành động hoặc không hành động đã bị áp dụng hình phạt của người bị kết án cũng cấu thành một tội phạm theo pháp luật của Nước nhận hoặc có thể cấu thành một tội phạm nếu được thực hiện trên lãnh thổ của Nước này, và

- 1) Nước chuyển giao và Nước nhận đồng ý về việc chuyển giao.

2. Trong trường hợp ngoại lệ, các Bên có thể đồng ý chuyển giao khi người bị kết án còn phải chấp hành hình phạt trong thời gian ít nhất là sáu tháng.

**Điều 6****Xác minh sự đồng ý**

Nếu thấy cần thiết, Nước nhận, thông qua nhân viên lãnh sự của nước mình hoặc đại diện khác theo thỏa thuận với Nước chuyển giao, có thể xác minh việc người bị kết án đã tự nguyện đồng ý và đã nhận thức đầy đủ về hậu quả pháp lý kèm theo. Nước chuyển giao sẽ cho phép nhân viên lãnh sự của Nước nhận hoặc các đại diện khác của Nước nhận theo thỏa thuận với Nước chuyển giao liên hệ với người bị kết án hoặc đại diện hợp pháp của người bị kết án.

**Điều 7****Tài liệu kèm theo**

1. Nước nhận sẽ gửi các tài liệu dưới đây kèm theo yêu cầu chuyển giao hoặc kèm theo văn bản trả lời yêu cầu của Nước chuyển giao:

a) Một tài liệu hoặc báo cáo xác nhận người bị kết án là công dân của nước mình.

b) Một bản sao được chứng thực các điều luật của Nước nhận xác định rằng hành động hoặc không hành động bị áp dụng hình phạt của người phạm tội tại Nước chuyển giao cũng cấu thành tội phạm theo pháp luật của Nước nhận hoặc cũng sẽ cấu thành tội phạm nếu thực hiện trên lãnh thổ của Nước này,

c) Một văn bản có thông tin về cách thức thi hành phần còn lại của hình phạt,

d) Tài liệu bày tỏ mong muốn hoặc sự đồng ý về việc chuyển giao của người bị kết án hoặc người đại diện hợp pháp của người bị kết án như đã được đề cập tại điểm d khoản 1 Điều 5 Hiệp định này, nếu Nước nhận được tụy ý sử dụng tài liệu này.

2. Nước chuyển giao sẽ gửi các tài liệu dưới đây kèm theo yêu cầu chuyển giao hoặc kèm theo văn bản trả lời yêu cầu của Nước nhận:

a) Họ và tên, ngày tháng năm sinh và nếu có thể, nơi sinh, địa chỉ thường trú của người bị kết án tại Nước nhận,

b) Một bản sao bản án có chứng thực, chỉ rõ ngày tháng bản án bắt đầu có hiệu lực, và một bản sao có chứng thực các điều luật làm cơ sở đưa ra bản án của Nước chuyển giao.

c) Tài liệu nêu rõ phần hình phạt đã được thi hành, bao gồm thông tin về thời gian đã được giam giữ, việc miễn, giảm và các yếu tố khác liên quan đến việc thi hành hình phạt.

d) Tài liệu nêu rõ mong muốn hoặc sự đồng ý với việc chuyển giao của người bị kết án hoặc người đại diện hợp pháp của người bị kết án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Hiệp định này, nếu Nước chuyển giao được tụy ý sử dụng tài liệu này.

3. Các Bên có thể yêu cầu cung cấp bất kỳ tài liệu hoặc văn bản nào được quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 của Điều này trước khi đưa ra yêu cầu chuyển giao hoặc quyết định đồng ý hay không đồng ý chuyển giao.

4. Tài liệu do các Bên cung cấp theo Hiệp định này sẽ được miễn hợp pháp hóa.

#### **Điều 8**

##### **Hiệu lực của việc chuyển giao đối với Nước chuyển giao**

1. Việc các cơ quan có thẩm quyền của Nước nhận nhận người bị kết án sẽ dẫn đến hệ quả đình chỉ việc thi hành hình phạt ở Nước chuyển giao.

2. Nếu người bị kết án trốn tránh việc thi hành hình phạt ở Nước nhận thì ngay lập tức việc này phải được thông báo cho Nước chuyển giao. Nếu sau đó người bị kết án bị giam giữ trên lãnh thổ của Nước chuyển giao thì Nước này có thể buộc người đó thi hành phần còn lại của hình phạt.

3. Nước chuyển giao có thể không tiếp tục thi hành hình phạt nếu Nước nhận cho rằng việc thi hành hình phạt đã kết thúc.

#### **Điều 9**

##### **Hiệu lực của việc chuyển giao đối với Nước nhận**

1. Cơ quan có thẩm quyền của Nước nhận sẽ tiếp tục thi hành hình phạt theo điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này. Việc thi hành án sẽ tuân theo pháp luật của Nước nhận và ngoại trừ các quy định tại Điều này và Điều 10

của Hiệp định này, Nước nhận sẽ có toàn quyền trong việc ra các quyết định thích hợp.

2. Nước nhận sẽ thi hành hình phạt với bản chất và thời hạn như đã được Nước chuyển giao quyết định. Tuy nhiên, nếu bản chất và thời hạn của hình phạt không phù hợp với luật của Nước nhận hoặc do luật của nước này có quy định thì Nước nhận có thể thông qua một phiên tòa hoặc một quyết định hành chính chuyển đổi hình phạt bằng một hình phạt theo luật của nước mình đối với tội phạm tương tự. Nếu thời hạn tối đa của hình phạt theo luật pháp của Nước nhận ngắn hơn thời hạn hình phạt được Nước chuyển giao áp dụng đối với người bị kết án, Nước nhận phải thi hành hình phạt với thời hạn tối đa theo quy định của luật pháp nước mình. Tính chất của hình phạt phải bảo đảm tương xứng với tính chất hình phạt được Nước chuyển giao tuyên phạt. Tính chất hoặc thời hạn của hình phạt sẽ thi hành không được nặng hơn hình phạt đã được Nước chuyển giao áp dụng, cũng không được vượt quá mức tối đa được quy định trong luật của Nước nhận.

3. Cơ quan có thẩm quyền của Nước nhận không được chuyển đổi hình phạt liên quan đến tước quyền tự do thành hình phạt tiền.

4. Phần hình phạt, bao gồm cả phần tạm giam, đã được người bị kết án chấp hành tại Nước chuyển giao phải được trừ vào tổng thời gian chấp hành hình phạt.

5. Nước nhận sẽ cung cấp cho Nước chuyển giao bản sao quyết định làm cơ sở cho việc thi hành hình phạt trên lãnh thổ của Nước nhận.

### **Điều 10**

#### **Đặc xá, đại xá, giảm hình phạt**

Mỗi Bên có thể quyết định cho đặc xá, đại xá hoặc giảm hình phạt theo quy định của Hiến pháp hoặc pháp luật của nước mình.

### **Điều 11**

#### **Xem xét lại bản án**

Chỉ Nước chuyển giao có quyền quyết định việc xem xét lại bản án.

**Điều 12****Kết thúc thi hành hình phạt**

Nước nhận sẽ chấm dứt việc thi hành hình phạt ngay sau khi nhận được thông báo của Nước chuyển giao về bất cứ quyết định hoặc biện pháp dẫn đến hệ quả chấm dứt thi hành hình phạt đó.

**Điều 13****Thông tin về thi hành hình phạt**

Nước nhận sẽ cung cấp cho Nước chuyển giao các thông tin liên quan đến việc thi hành hình phạt nếu:

- a) nước đó cho rằng việc thi hành hình phạt đã kết thúc,
- b) người bị kết án đã bỏ trốn trước khi hoàn thành việc thi hành hình phạt,
- c) người bị kết án chết hoặc
- d) Nước chuyển giao yêu cầu một báo cáo đặc biệt.

**Điều 14****Quá cảnh**

1. Mỗi Bên tuân thủ pháp luật nước mình, chấp nhận yêu cầu quá cảnh của người bị kết án qua lãnh thổ nước đó nếu Bên kia đưa ra yêu cầu và Bên đó đã đồng ý với một nước thứ ba về việc chuyển giao người bị kết án tới hoặc đi từ lãnh thổ của mình.

2. Mỗi Bên có thể từ chối cho phép quá cảnh nếu:

- a) người bị kết án là công dân của nước mình, hoặc
- b) tội phạm bị áp dụng hình phạt không phải là tội phạm theo luật của nước này.

3. Yêu cầu quá cảnh và trả lời sẽ được trao đổi theo cách thức được quy định tại các khoản 1, 2 Điều 4 của Hiệp định này. Bên yêu cầu phải gửi kèm các thông tin theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Hiệp định này.

4. Không cần xin phép quá cảnh nếu việc vận chuyển qua lãnh thổ của Bên kia bằng đường hàng không và không có lịch trình hạ cánh.



**Điều 15****Ngôn ngữ và chi phí**

1. Yêu cầu, trả lời yêu cầu và tài liệu phải dịch sang ngôn ngữ của Nước được yêu cầu hoặc bằng tiếng Anh.
2. Chi phí phát sinh liên quan đến việc chuyển giao người bị kết án hoặc tiếp tục thi hành hình phạt sau khi chuyển giao sẽ do Nước nhận chỉ trả, trừ những chi phí phát sinh hoàn toàn trong phạm vi lãnh thổ của Nước chuyển giao.

**Điều 16****Điều khoản cuối cùng**

1. Hiệp định này không ảnh hưởng quyền và các cam kết trong các điều ước khác có hiệu lực đối với các Bên.
  2. Hiệp định này cũng được áp dụng đối với các bản án có hiệu lực trước ngày Hiệp định này có hiệu lực.
  3. Bất cứ bất đồng nào phát sinh trong quá trình thực thi Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua đàm phán giữa các Cơ quan trung ương của các Bên hoặc cuối cùng sẽ được giải quyết qua đường ngoại giao.
  4. Hiệp định có thể được sửa đổi và bổ sung bởi văn bản thỏa thuận giữa các Bên. Việc bổ sung và sửa đổi sẽ có hiệu lực theo quy định tại khoản 7 của Điều này.
  5. Hiệp định có hiệu lực vô thời hạn. Mỗi Bên có thể chấm dứt Hiệp định bằng một thông báo qua đường ngoại giao. Hiệp định sẽ hết hiệu lực sau một năm kể từ ngày nhận được thông báo của Bên kia.
  6. Trong trường hợp Hiệp định này chấm dứt hiệu lực, Hiệp định vẫn tiếp tục được áp dụng để thi hành hình phạt đối với người bị kết án đã được chuyển giao trước ngày Hiệp định chấm dứt hiệu lực.
  7. Hiệp định này phải được phê chuẩn và sẽ có hiệu lực sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày trao đổi văn kiện phê chuẩn. Văn kiện phê chuẩn sẽ được trao đổi trong thời gian sớm nhất có thể.
- Để làm bằng, những người ký tên dưới đây, được ủy quyền đầy đủ, đã ký Hiệp định này.

Làm tại *Hà Nội*..... vào ngày *05/8/2019*..... thành hai bản, bằng tiếng Việt, tiếng Séc và tiếng Anh, các văn bản đều có giá trị như nhau.

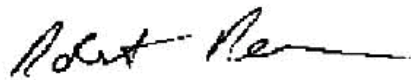
Trong trường hợp này sinh bất đồng trong việc giải thích Hiệp định, văn bản bằng tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

THAY MẶT CỘNG HÒA XÃ HỘI  
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



TÔ LÂM  
Bộ trưởng Bộ Công an

THAY MẶT CỘNG HÒA SÉC



ROBERT PELIKÁN  
Bộ trưởng Bộ Tư pháp

**TREATY  
BETWEEN  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
AND  
THE CZECH REPUBLIC  
ON THE TRANSFER OF SENTENCED PERSONS**

The Socialist Republic of Viet Nam and the Czech Republic, hereinafter referred to as the "Parties".

Taking into consideration the laws and regulations of the Parties in force regarding enforcement of penal sentences,

Desirous of further developing mutual co-operation in the field of criminal law, and

Promoting transfers of sentenced persons, which will give these persons the opportunity to serve imposed sentences in their home country and will contribute to their social rehabilitation.

Have agreed as follows:

**Article 1  
Definitions**

For the purposes of this Treaty:

- a) "sentence" means any punishment or measure involving deprivation of liberty ordered by a court for a limited or unlimited period of time on account of a criminal offence,
- b) "judgment" means a decision of a court imposing a sentence,
- c) "Transferring State" means the Party in whose territory the sentence was imposed on the person who may be, or has been, transferred,
- d) "Receiving State" means the Party to whose territory the sentenced person may be, or has been, transferred in order to serve the sentence,

e) "sentenced person" means a person who is required to be detained in a prison or any other institution by virtue of a judgment made by a court of the Transferring State on account of a criminal offence.

## **Article 2**

### **General Principles**

1. The Parties undertake to afford each other the widest measure of cooperation in respect of the transfer of sentenced persons in accordance with the provisions of this Treaty.

2. A person sentenced in the territory of one Party may be transferred to the territory of the other Party, in accordance with the provisions of this Treaty, in order to serve the sentence imposed on him or her.

3. A sentenced person to whom this Treaty may apply shall be informed of the substance hereof by the Transferring State before his or her transfer takes place in order to serve the sentence.

4. A person sentenced in the territory of one Party or his or her legal representative may express interest in transfer under this Treaty to the Transferring State or to the Receiving State.

5. Transfer may be requested by either the Transferring State or the Receiving State.

6. A sentenced person shall be informed in writing of decisions taken by the Transferring State or the Receiving State in accordance with this Treaty.

## **Article 3**

### **Central Authorities**

1. For the purposes of application of this Treaty, each Party shall designate a Central Authority.

2. The Central Authority for the Socialist Republic of Viet Nam shall be the Ministry of Public Security. The Central Authority for the Czech Republic shall be the Ministry of Justice.

3. The Central Authorities may communicate directly with each other for the purposes of this Treaty. Communication through diplomatic channels is not excluded thereby.

4. Either Party may change its Central Authority, in which case it shall notify the other of the change through diplomatic channels.

#### **Article 4**

##### **Requests and Replies**

1. Requests for transfer and replies shall be made in writing.

2. Requests shall be communicated directly between the Central Authorities. Communication of a request through diplomatic channels is not excluded thereby. Replies shall be communicated through the same channels.

3. The Requested State shall promptly inform the Requesting State of its decision whether or not to agree to the requested transfer. In case of rejection of the request, the Requested State shall give reasons for its decision.

#### **Article 5**

##### **Conditions for Transfer**

1. A sentenced person may be transferred under this Treaty on the following conditions:

a) the person is a national of the Receiving State,

b) the judgment is final and enforceable.

c) at the time of receipt of the request for transfer, the sentenced person still has at least one year of the sentence to serve.

d) the transfer is consented to by the sentenced person or, where in view of his or her age, physical or mental condition one of the Parties considers it necessary, by his or her legal representative; form of expression of the consent shall be governed by the law of the Transferring State,

e) the act or omission on account of which the sentence was imposed constitutes a criminal offence according to the law of the Receiving State, or would constitute a criminal offence if committed on its territory, and

f) the Transferring State and the Receiving State agree to the transfer.

2. In exceptional cases, the Parties may agree to the transfer even if the time to be served by the sentenced person is at least six months.

## **Article 6**

### **Verification of Consent**

If necessary, the Receiving State may verify through its consular official or other representative agreed upon with the Transferring State that the sentenced person has given consent voluntarily and with full knowledge of the legal consequences thereof. The Transferring State shall enable contact between the consular official of the Receiving State or other representative of the Receiving State agreed upon with the Transferring State and the sentenced person or his or her legal representative.

## **Article 7**

### **Supporting Documents**

1. The Receiving State shall enclose to the request for transfer or to the reply to the request submitted by the Transferring State the following:

a) a document or statement certifying that the sentenced person is a national of that State.

b) a certified copy of the relevant provisions of the law of the Receiving State which provide that the acts or omissions on account of which the sentence was imposed in the Transferring State constitute a criminal offence also according to the law of the Receiving State, or would constitute a criminal offence if committed on its territory.

c) a statement containing the information on the manner of serving the remainder of the sentence.

d) a document in which the sentenced person or his or her legal representative expresses interest in the transfer or consent to the transfer as referred to in Article 5.1.d, if such a document is at the Receiving State's disposal.

2. The Transferring State shall enclose to the request for transfer or to the reply to the request submitted by the Receiving State the following:

a) the name, date, and if available place of birth and permanent address of the sentenced person in the Receiving State.

b) a certified copy of the judgment, with indication of the date on which the judgment became final, and a certified copy of the relevant provisions of the law of the Transferring State on which the judgment is based.

c) a document stating how much of the sentence has already been served, including information on duration of custody, remission and any other factors relevant to the enforcement of the sentence.

d) a document in which the sentenced person or his or her legal representative expresses interest in the transfer or consent to the transfer as referred to in Article 5.1.d, if such a document is at the Transferring State's disposal.

3. Either State may ask to be provided with any of the documents or statements referred to in paragraphs 1 or 2 above before making a request for transfer or taking a decision on whether or not to agree to the transfer.

4. Documents provided by the Parties under this Treaty shall be exempt from legalisation.

#### **Article 8**

##### **Effect of Transfer for Transferring State**

1. Taking into charge of the sentenced person by the authorities of the Receiving State shall have the effect of suspending the enforcement of the sentence in the Transferring State.

2. If the sentenced person avoids the enforcement of the sentence in the territory of the Receiving State, that State shall immediately inform of it the Transferring State. If the sentenced person is afterwards detained in the territory of the Transferring State, that State may order the remainder of the sentence to be enforced.

3. The Transferring State may no longer enforce the sentence if the Receiving State considers the enforcement of the sentence to have been completed.

### **Article 9**

#### **Effect of Transfer for Receiving State**

1. The competent authorities of the Receiving State shall continue the enforcement of the sentence under the conditions set out in paragraph 2. The enforcement of the sentence shall be governed by the law of the Receiving State and, with the exception of this Article and Article 10, the Receiving State alone shall be competent to take all appropriate decisions.

2. The Receiving State shall be bound by the kind and duration of the sentence, as determined by the Transferring State. If, however, this sentence is by its kind and duration incompatible with the law of the Receiving State, or its law so requires, that State may, by a court or administrative decision, adapt the sentence to the punishment prescribed by its own law for a similar offence. If maximum length of punishment prescribed by the law of the Receiving State is shorter than length of the sentence imposed in the Transferring State, the Receiving State shall order the enforcement of the punishment with maximum possible length allowed by its law. As to its kind, the punishment shall correspond, as far as possible, with that imposed by the sentence to be enforced. It shall not aggravate, by its kind or duration, the sentence imposed in the Transferring State, nor exceed the maximum prescribed by the law of the Receiving State.

3. The competent authority of the Receiving State shall not convert a sanction involving deprivation of liberty to a pecuniary sanction.

4. The part of the sentence, including custody, already served by the sentenced person in the Transferring State shall be completely included into the total duration of the sentence.

5. The Receiving State shall provide the Transferring State with a copy of the decision by which the enforcement of the sentence in the territory of the Receiving State is ordered.

### **Article 10**

#### **Pardon, Amnesty, Commutation**

Each Party may grant pardon, amnesty or commutation of the sentence in accordance with its Constitution or other laws.



**Article 11****Review of Judgment**

The Transferring State alone shall have the right to decide on applications for review of the judgment.

**Article 12****Termination of Enforcement of Sentence**

The Receiving State shall terminate the enforcement of the sentence as soon as it is informed by the Transferring State of any decision or measure as a result of which the sentence ceases to be enforceable.

**Article 13****Information on Enforcement of Sentence**

The Receiving State shall provide the Transferring State with information concerning the enforcement of the sentence if:

- a) it considers the enforcement of the sentence to have been completed,
- b) the sentenced person has escaped before the enforcement of the sentence has been completed,
- c) the sentenced person died, or
- d) the Transferring State requests a special report.

**Article 14****Transit**

1. In accordance with its law, a Party shall grant a request for transit of a sentenced person through its territory if such a request is made by the other Party and that Party has agreed with a third state to the transfer of the sentenced person to or from its territory.

2. A Party may refuse to grant transit if:

- a) the sentenced person is its national, or
- b) the offence for which the sentence was imposed is not a criminal offence under its law.

3. Requests for transit and replies shall be communicated in the way referred to in Article 4.1 and 4.2. The Requesting State shall enclose to the request the information referred to in Article 7.2. a.

4. No request for transit shall be required if transport over the territory of the other Party is by air and no landing there is scheduled.

### **Article 15**

#### **Language and Costs**

1. Requests, replies and all documents shall be furnished with translation into the language of the Requested State or English.

2. Any costs incurred in relation to the transfer of the sentenced person or the enforcement of the sentence after transfer shall be borne by the Receiving State, except costs incurred by the Transferring State exclusively within its territory.

### **Article 16**

#### **Final Provisions**

1. This Treaty does not affect the rights and undertakings derived from other treaties binding on the Parties.

2. This Treaty also applies to judgments pronounced before its entry into force.

3. Contentious issues arising from application of this Treaty shall be resolved by negotiation between the Central Authorities or eventually through diplomatic channels.

4. This Treaty may be changed and amended by virtue of written agreement of the Parties. Changes and amendments shall enter into force in accordance with paragraph 7 of this Article.

5. This Treaty is concluded for an indefinite time. Either Party may denounce this Treaty by means of a notification through diplomatic channels. The Treaty shall expire one year after the date of receipt of the notification by the other Party.

6. Notwithstanding any termination, this Treaty shall continue to apply to the enforcement of sentences of sentenced persons who have been transferred under this Treaty before the date on which such termination takes effect.

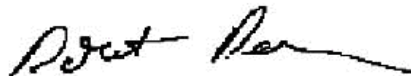
7. This Treaty is subject to ratification and shall enter into force sixty days after the date of exchange of the ratification instruments. The ratification instruments shall be exchanged as soon as possible.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized thereto, have signed this Treaty.

Done at *Ha Noi*..... on *07 June 1977* in duplicate originals, in Vietnamese, Czech and English languages, all texts being equally authentic. In case of different interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE SOCIALIST  
REPUBLIC OF VIET NAM

FOR THE CZECH REPUBLIC



**SMLOUVA  
MEZI  
VIETNAMSKOU SOCIALISTICKOU REPUBLIKOU  
A  
ČESKOU REPUBLIKOU  
O PŘEDÁVÁNÍ ODSOUZENÝCH OSOB**

Vietnamská socialistická republika a Česká republika, dále jen „strany“,

majíce na zřeteli platné zákony a předpisy smluvních stran týkající se výkonu trestu,

přejíce si dále rozvíjet vzájemnou spolupráci v oblasti trestního práva a

podporující předávání odsouzených osob, které těmto osobám umožní vykonat uložené tresty v jejich domovském státu a přispěje k jejich resocializaci,

se dohodly takto:

**Článek 1  
Definice**

Pro účely této smlouvy se rozumí:

- a) „trestem“ každé potrestání nebo opatření, které zahrnuje zbavení svobody, nařízené soudem na omezenou nebo neomezenou dobu v důsledku trestného činu,
- b) „rozsudkem“ rozhodnutí soudu, kterým se ukládá trest,
- c) „předávajícím státem“ strana, na jejímž území byl uložen trest osobě, která může být nebo již byla předána,
- d) „přijímajícím státem“ strana, na jejíž území může být nebo již byla odsouzená osoba předána k výkonu trestu,
- e) „odsouzenou osobou“ osoba, která má být omezena na osobní svobodě ve věznici nebo jiné instituci na základě rozsudku soudu předávajícího státu v důsledku spáchání trestného činu.

## **Článek 2**

### **Obecné zásady**

1. Strany se zavazují poskytovat si vzájemně co nejširší míru spolupráce při předávání odsouzených osob podle ustanovení této smlouvy.

2. Osoba odsouzená na území jedné strany může být předána na území druhé strany podle ustanovení této smlouvy k výkonu trestu, který jí byl uložen.

3. Odsouzená osoba, na kterou lze uplatnit tuto smlouvu, musí být předávajícím státem informována o její podstatě předtím, než bude předání k výkonu trestu uskutečněno.

4. Osoba odsouzená na území jedné strany nebo její právní zástupce může vyjádřit zájem o předání podle této smlouvy předávajícímu nebo přijímajícímu státu.

5. O předání může žádat předávající nebo přijímající stát.

6. Odsouzená osoba musí být písemně informována o rozhodnutích učiněných předávajícím nebo přijímajícím státem podle této smlouvy.

## **Článek 3**

### **Ústřední orgány**

1. Každá strana určí ústřední orgán pro účely provádění této smlouvy.

2. Ústředním orgánem pro Vietnamskou socialistickou republiku je Ministerstvo veřejné bezpečnosti. Ústředním orgánem pro Českou republiku je Ministerstvo spravedlnosti.

3. Ústřední orgány se mohou pro účely této smlouvy vzájemně stýkat přímo. Styk diplomatickou cestou tím není vyloučen.

4. Každá strana může změnit svůj ústřední orgán, v kterémžto případě změnu oznámí druhé straně diplomatickou cestou.

## **Článek 4**

### **Žádosti a odpovědi**

1. Žádosti o předání a odpovědi se budou činit v písemné formě.

2. Žádosti budou zasílány přímo mezi ústředními orgány. Zasilání žádosti diplomatickou cestou tím není vyloučeno. Odpovědi budou posílány stejnou cestou.

3. Dožádaný stát bude bez odkladu informovat dožadující stát o svém rozhodnutí, zda souhlasí nebo nesouhlasí s požadovaným předáním. V případě zamítnutí žádosti uvede dožádaný stát důvody svého rozhodnutí.

### **Článek 5 Podmínky předání**

1. Odsouzená osoba může být předána podle této smlouvy za následujících podmínek:

- a) tato osoba je občanem přijímajícího státu,
- b) rozsudek je konečný a vykonatelný.
- c) v době přijetí žádosti o předání má odsouzená osoba vykonat ještě nejméně jeden rok trestu,
- d) s předáním souhlasí odsouzená osoba nebo její právní zástupce, pokud to některá ze stran považuje za nutné vzhledem k jejímu věku, fyzickému nebo psychickému stavu; forma vyjádření souhlasu se řídí právem předávajícího státu.
- e) čin nebo opomenutí, pro které byl uložen trest, je trestným činem podle práva přijímajícího státu nebo by byl trestným činem, pokud by byl spáchán na jeho území, a
- f) předávající i přijímající stát souhlasí s předáním.

2. Ve výjimečných případech mohou strany souhlasit s předáním odsouzené osoby, jestliže doba, po kterou má odsouzená osoba vykonávat trest, činí alespoň šest měsíců.

### **Článek 6 Ověření souhlasu**

Je-li to nezbytné, přijímající stát může prostřednictvím svého konzulárního úředníka nebo jiného představitele, na kterém se dohodne s předávajícím státem, ověřit, že odsouzená osoba vyjádřila souhlas dobrovolně a s plnou znalostí jeho právních důsledků. Předávající stát umožní kontakt konzulárního úředníka nebo jiného představitele přijímajícího státu, na kterém se dohodne s předávajícím státem, s odsouzenou osobou nebo jejím právním zástupcem.

### **Článek 7 Potřebné doklady**

1. Přijímající stát přiloží k žádosti o předání nebo k odpovědi na žádost podanou předávajícím státem následující:

- a) doklad nebo prohlášení potvrzující, že odsouzená osoba je občanem tohoto státu,

b) ověřenou kopii příslušných ustanovení práva přijímajícího státu, která stanoví, že jednání nebo opomenutí, v jehož důsledku byl v předávajícím státě uložen trest, je trestným činem rovněž podle práva přijímajícího státu nebo by byl trestným činem, pokud by byl spáchán na jeho území,

c) prohlášení obsahující informace o způsobu výkonu zbytku trestu,

d) doklad, ve kterém odsouzená osoba nebo její právní zástupce vyjadřuje zájem o předání nebo souhlas s předáním, jak je uvedeno v čl. 5 odst. 1 písm. d), pokud má přijímající stát takový doklad k dispozici.

2. Předávající stát přiloží k žádosti o předání nebo k odpovědi na žádost podanou přijímajícím státem následující:

a) jméno, datum, a případně místo narození a adresu trvalého bydliště odsouzené osoby v přijímajícím státě,

b) ověřenou kopii rozsudku s vyznačením data, kdy rozsudek nabyl právní moci, a ověřenou kopii příslušných ustanovení práva předávajícího státu, na nichž je rozsudek založen.

c) doklad uvádějící, jaká část trestu již byla vykonána, včetně informace o trvání vazby, snížení trestu a všech ostatních skutečnostech důležitých pro výkon trestu,

d) doklad, ve kterém odsouzená osoba nebo její právní zástupce vyjadřuje zájem o předání nebo souhlas s předáním, jak je uvedeno v čl. 5 odst. 1 písm. d), pokud má předávající stát takový doklad k dispozici.

3. Kterýkoli stát může požádat o předložení jakýchkoli dokladů nebo prohlášení uvedených výše v odstavci 1 nebo 2 předtím, než požádá o předání nebo přijme rozhodnutí o tom, zda bude nebo nebude souhlasit s předáním.

4. Doklady poskytnuté stranami podle této smlouvy nepodléhají vyššímu ověření.

### **Článek 8**

#### **Důsledky předání pro předávající stát**

1. Důsledkem převzetí odsouzené osoby orgány přijímajícího státu je přerušeni výkonu trestu v předávajícím státě.

2. Pokud se odsouzená osoba výkonu trestu na území přijímajícího státu vyhýbá, tento stát neprodleně informuje předávající stát. Je-li odsouzená osoba poté zadržena na území předávajícího státu, tento stát může nařídit výkon zbytku trestu.

3. Předávající stát nemůže pokračovat ve výkonu trestu, jestliže má přijímající stát za to, že výkon trestu byl ukončen.

### Článek 9

#### Důsledky předání pro přijímající stát

1. Příslušné orgány přijímajícího státu zajistí pokračování výkonu trestu za podmínek uvedených v odstavci 2. Výkon trestu se řídí právem přijímajícího státu a pouze přijímající stát, s výjimkou tohoto článku a článku 10, je oprávněn přijmout veškerá příslušná rozhodnutí.

2. Přijímající stát je vázán druhem a délkou trvání trestu, jak byly stanoveny předávajícím státem. Pokud je však tento trest svým druhem nebo délkou trvání v rozporu s právem přijímajícího státu nebo pokud to jeho právo vyžaduje, může tento stát na základě soudního nebo správního rozhodnutí přizpůsobit tento trest trestu stanovenému jeho právem pro obdobný trestný čin. Pokud je nejvyšší možná délka trestu stanoveného právem přijímajícího státu kratší, než délka trestu uloženého v předávajícím státě, přijímající stát nařídí výkon trestu s nejvyšší možnou délkou podle svého práva. Co se týče jeho druhu, trest musí co nejvíce odpovídat trestu uloženému rozsudkem, který má být vykonán. Svým druhem nebo délkou nesmí převýšit trest uložený v předávajícím státě ani překročit nejvyšší možný trest stanovený právem přijímajícího státu.

3. Příslušný orgán přijímajícího státu nesmí změnit trest odnětí svobody na peněžitý trest.

4. Ta část trestu, včetně vazby, která již byla odsouzenou osobou vykonána v předávajícím státě, musí být zcela započtena do celkové délky trestu.

5. Přijímající stát poskytne předávajícímu státu kopii rozhodnutí, kterým byl nařízen výkon rozhodnutí na území přijímajícího státu.

### Článek 10

#### Milost, amnestie, zmírnění trestu

Obě strany mohou udělit milost, amnestii nebo zmírnit trest v souladu se svou ústavou nebo jinými zákony.

### Článek 11

#### Přezkoumání rozsudku

Pouze předávající stát má právo rozhodovat o žádostech o přezkoumání rozsudku.



### **Článek 12**

#### **Ukončení výkonu trestu**

Přijímající stát ukončí výkon trestu, jakmile je předávajícím státem informován o rozhodnutí nebo opatření, v důsledku něž trest přestal být vykonatelným.

### **Článek 13**

#### **Informace o výkonu trestu**

Přijímající stát poskytne předávajícímu státu informace o výkonu trestu, pokud:

- a) výkon trestu považuje za ukončený,
- b) odsouzená osoba uprchla před ukončením výkonu trestu,
- c) odsouzená osoba zemřela nebo
- d) předávající stát vyžaduje zvláštní zprávu.

### **Článek 14**

#### **Průvoz**

1. V souladu se svým právem vyhoví strana žádosti o průvoz odsouzené osoby přes své území, pokud o to druhá strana požádá a tato strana se dohodla se třetím státem na předání odsouzené osoby na své území nebo ze svého území.

2. Strana může odmítnout povolit průvoz, jestliže:

- a) odsouzená osoba je jejím občanem nebo
- b) čin, za který byl trest uložen, není podle jejího práva trestným činem.

3. Žádosti o průvoz a odpovědi budou zasilány způsobem uvedeným v čl. 4 odst. 1 a 2. Dožadující stát přiloží k žádosti informace uvedené v čl. 7 odst. 2 písm. a).

4. Žádost o průvoz se nevyžaduje, pokud je průvoz přes území druhé strany prováděn letecky a není-li plánováno přistání.

### **Článek 15**

#### **Jazyk a náklady**

1. Žádosti, odpovědi a všechny doklady musí být opatřeny překladem do jazyka dožadovaného státu nebo do angličtiny.

2. Veškeré náklady vzniklé v souvislosti s předáním odsouzené osoby nebo výkonem trestu po předání nese přijímající stát s výjimkou nákladů vzniklých předávajícímu státu výlučně na jeho území.

### Článek 16 Závěrečná ustanovení

1. Tato smlouva nemá vliv na práva a závazky vyplývající z jiných mezinárodních smluv, které jsou pro strany závazné.

2. Tato smlouva se vztahuje i na rozsudky vynesené před jejím vstupem v platnost.

3. Sporné otázky vyplývající z provádění této smlouvy budou řešeny jednáním mezi ústředními orgány, případně diplomatickou cestou.

4. Tato smlouva může být změněna nebo doplněna písemnou dohodou stran. Změny a dodatky vstupují v platnost v souladu s odstavcem 7 tohoto článku.

5. Tato smlouva se uzavírá na dobu neurčitou. Kterákoli strana může vypovědět tuto smlouvu oznámením učiněným diplomatickou cestou. Tato smlouva pozbývá platnost jeden rok ode dne přijetí oznámení druhou stranou.

6. Bez ohledu na výpověď se smlouva nadále vztahuje na výkon trestu odsouzených osob, které byly předány podle této smlouvy před dnem, kdy tato výpověď smlouvy nabyla účinnosti.

7. Tato smlouva podléhá ratifikaci a vstoupí v platnost šedesát dní ode dne výměny ratifikačních listin. Ratifikační listiny budou vyměněny co nejdříve.

NA DŮKAZ TOHO níže podepsaní, jsouc k tomu řádně zmocnění, podepsali tuto smlouvu.

Dáno v Hanoji dne 1. srpna 2017 ve dvou původních vyhotoveních, v jazyce vietnamském, českém a anglickém, přičemž všechna znění mají stejnou platnost. V případě rozdílnosti ve výkladu je rozhodující anglické znění.

ZA VIETNAMSKOU  
SOCIALISTICKOU REPUBLIKU

ZA ČESKOU REPUBLIKU